

Con Đường Pháp Chế Hóa: Một Ưu Tiên Chọn Lựa cho Việt Nam

Nguyễn Hữu Liêm

Mỗi giai đoạn lịch sử của mỗi quốc gia đòi hỏi một chọn lựa định hướng cơ chế vĩ mô nhằm quản trị được hiện tại và điều kiện hóa cho tương lai. Khi đã nói đến chọn lựa tức là nói đến những khả thể đang được đối diện mà vấn đề là quyết định được tính tối ưu (optimal) và khả năng thành đạt cao nhất. Chúng ta hãy thử nhìn đến một chọn lựa cơ chế tối ưu và khả thi nhất cho Việt Nam trong giai đoạn hiện nay với tất cả những điều kiện thực tế của dân trí, xã hội, con người và bối cảnh quyên lực liên hệ.

Ở thời điểm này, quan điểm chính trị của một số đông người Việt trong và ngoài nước đang ở vào thế tiến thoái lưỡng nan giữa hai vế chọn lựa duy nhất: một chế độ chính trị dưới sự lãnh đạo và cầm quyền của đảng Cộng Sản hay là một thể chế chính trị rộng mở, đa đảng. Thực chất thì cả hai vế chọn lựa giữa Cộng Sản và không Cộng Sản vẫn chỉ là một chọn lựa một chiều. Đây là nguồn gốc và lý do chính của sự bế tắc trên nhiều phương diện. Vế chính trị chống Cộng Sản thì dựa trên một quan điểm toàn diện hóa lý tưởng dân chủ vốn đã trở nên một năng động duy tình cảm, thuần tiêu cực và thiếu thực tế; vế của Đảng Cộng Sản thì vẫn chủ trương duy trì độc quyền như là một tự hào lịch sử, củng cố lập trường bảo thủ chính trị cứng ngắc trước những thử thách mới của nhân dân và thời đại. Một đảng thì biện minh chính trị từ lý tưởng dân chủ đặt ước vọng dự phóng nhằm giải quyết chuyện thực tế của nước nhà; một đảng thì biện minh chính trị từ lịch sử đặt cơ sở chính thống lãnh đạo và chính quyền vào quá khứ. Cả hai vế đều vướng vào cái vũng lầy của bất lực và không thực tế.

Việt Nam sẽ có dân chủ khi quốc dân Việt Nam thực sự mong muốn và sẵn sàng dân chủ hóa đất nước. Thời điểm đó chưa đến, ít nhất là trên thực tế. Còn hiện nay, khi dân tộc cũng đã quá mỏi mệt với lịch sử nhưng vẫn chưa mong muốn dân chủ đủ mạnh trong những điều kiện thực tế của con người và xã hội vốn chưa trưởng thành thì một chọn lựa chính trị dân chủ hóa theo các mô hình Tây Phương vẫn chưa phải là một cánh cửa khả thi. Dù rằng trên phương diện lịch sử, trên phương diện kinh tế so với mấy thập kỷ trước, Việt Nam đã và đang vượt qua những chặng đường dài đáng khích lệ; tuy nhiên, trên viễn ảnh lớn hơn cho con người và thời đại thì đất nước đang bị lún vào một vũng lầy hiện tại đầy khó khăn và tiêu cực. Chuyển xe lịch sử dân tộc đang bị đặt vào một tình trạng bất định hướng.

Chọn lựa còn lại cho Việt Nam, do đó, là con đường pháp chế hóa chính trị, công quyền, kinh tế và xã hội để đưa Việt Nam đến một xã hội pháp trị. Cuộc cách mạng pháp chế này có thể tiến hành ngay mà không đòi hỏi một thể chế chính trị dân chủ rộng mở, đa đảng như là một điều kiện phải có. Ngay trong những điều kiện chính trị, xã hội, dân trí và kinh tế Việt Nam hiện nay, cơ chế pháp chế hóa cần và có thể hiện thực được.

A. CHÍNH THỐNG PHÁP CHẾ

Tiền đề cơ bản cho cơ chế pháp chế hóa là sự kiến tạo một nền tảng chính thống chính trị và lãnh đạo vượt qua biện minh lịch sử hay là thể chế dân chủ đại diện. Đó là tiến trình pháp chế hóa chính quyền, kinh tế và xã hội để kiến tạo chính thống quyền lực trên cơ bản pháp luật thành văn, khách quan và công bằng. Trên cơ bản pháp chế hóa công quyền, tất cả các hiện tượng tiêu cực, sai lầm, bất lực, và thối nát sẽ là những vi phạm pháp chế khách quan vượt ra ngoài và qua khỏi vấn đề chính trị nội bộ của đảng cầm quyền.

Để xây dựng một nền tảng pháp chế cho Việt Nam, nhiều định chế về cơ cấu và tổ chức guồng máy chính quyền của quốc gia cần phải được cải tổ sâu rộng. Ưu tâm lớn nhất là vấn đề độc đảng và pháp luật. Làm thế nào để luật pháp không thể chỉ là một công cụ tùy tiện của đảng cầm quyền? Đây là vấn đề lớn bao gồm từ phương diện văn hóa, con người, định chế và quy tắc. Cơ bản của vấn đề là một tiến trình kiến tạo một văn hóa trọng pháp để thay thế cho văn hóa độc tài, chủ quan và tùy tiện của chế độ đảng trị. Con đường chuyển hóa này không phải dễ dàng. Nó đòi hỏi một ý chí và tinh thần mới vượt qua được những đọa lực từ quá khứ với quá nhiều tiêu cực tính. Tuy nhiên đây cũng không phải chỉ là vấn đề trừu tượng và lý tưởng. Trái lại, nó cần đến một phương thức giải quyết bằng định chế và cơ cấu nhằm khách quan hóa những tiêu chuẩn pháp chế để không còn một tập thể, tổ chức hay phe nhóm nào có thể nhân danh giá trị độc tôn hay chủ quan để mà vi phạm hay vượt qua khỏi quy tắc pháp lý. Tiến trình và phương thức này bao gồm những phương diện và lãnh vực xin được phác họa dưới đây. Tất cả những phác họa này đều nằm trên cơ bản chính trị thực tế hiện nay rằng Đảng Cộng Sản Việt Nam (ĐCSVN) sẽ vẫn là đảng chính trị duy nhất. Và ĐCSVN sẽ lãnh đạo và mang trọng trách cho cuộc cách mạng pháp chế này.

B. CHÍNH TRỊ VÀ CÔNG QUYỀN

I. Phân Định Vai Trò Lãnh Đạo và Chức Năng Cầm Quyền: Nhằm kiến tạo nền tảng biện minh lãnh đạo khách quan cho ĐCSVN trong giai đoạn lịch sử hiện nay, cần phải có một sự phân định biên giới và tách rời chức năng lãnh đạo chính trị ra khỏi chức năng công quyền và tư pháp. Công cuộc pháp quyền hóa bao gồm những phương diện cơ bản sau đây: Thứ nhất là vai trò lãnh đạo của Đảng, thứ hai là chức năng cầm quyền của nhà nước, thứ ba là cơ bản liên hệ giữa Đảng và nhà nước, và thứ tư là xác định tư thế độc lập của ngành tư pháp. Tức là vai trò và chức năng của ĐCSVN về lãnh đạo định hướng và chính sách vĩ mô phải được phân biệt và tách rời khỏi chức năng quản trị, tức cầm quyền, của chính phủ và nhà nước, và chức năng pháp lý của ngành tư pháp. Nguyên tắc phân định này sẽ không ảnh hưởng đến vai trò lãnh đạo độc quyền của ĐCSVN. Chúng ta hãy hình dung ĐCSVN như là hội đồng quản trị (board of directors) ; trong khi đó, nhà nước và chính phủ là guồng máy quản lý (administration) dưới sự điều động của chủ tịch điều hành

(chief executive officer), tức là thủ tướng chính phủ. Phân nhánh thứ ba là tư pháp (judiciary): một định chế độc lập khỏi chính trị và công quyền.

Vấn đề hiện nay là cơ cấu lãnh đạo của ĐCSVN - qua Bộ Chính Trị và cơ chế Trung Ương Đảng - không có một định chế và cơ cấu khách quan mang đủ biện minh đạo đức và yếu tính cưỡng chế pháp lý và hành chính để kiểm soát chức năng và hành động của guồng máy và nhân sự nhà nước. Từ đó, sự bất lực, thối nát, lạm dụng quyền thế của công chức nhà nước không được cai chế bằng pháp luật khách quan trên cơ sở biện minh chính thống. Các biện pháp quản chế trên phương thức chính trị, như kiểm điểm, phê bình, đều không đưa đến một mức độ kết quả thích ứng. Với tình trạng này, vai trò lãnh đạo của ĐCSVN mất đi tính hiệu năng cần thiết. Ngay cả trên phương diện chính trị và đạo đức lãnh đạo cũng không còn mang ý nghĩa thực tại nào đối với hệ thống công quyền nhà nước hiện nay. Khi hai vế lãnh đạo và cầm quyền không được minh định, chỉ cần một khùng hoảng mang tính chất nhân sự - ví dụ “vụ Năm Cam” hiện nay - sẽ mang theo nhiều hậu quả chính trị, tổn kém không biết bao nhiêu là thì giờ và năng lực cũng như là số vốn đạo đức của vai trò lãnh đạo của Đảng. Khi đã pháp chế hóa lãnh đạo và cầm quyền thì qua chức năng tư pháp, với pháp luật vô tư, khách quan, độc lập, phi chính trị thì tất cả những vi phạm và sai lầm từ phía chính phủ, nhà nước đều phải được đối xử như là những vi phạm thuần pháp lý. Trên cương vị lãnh đạo chính trị, ĐCSVN sẽ không nhúng tay vào tiến trình xử lý pháp luật vì đó là một vấn đề hoàn toàn thuộc phạm vi chức năng và thẩm quyền của ngành tư pháp.

II. Định Chế Đảng Cộng Sản và Quốc Hội Lập Pháp: Từ cơ sở phân định lãnh đạo và công quyền, Đảng và nhà nước, cán bộ và nhân viên công quyền, chúng ta hãy thử đưa ra một định chế pháp lý mới cho cơ chế ĐCSVN và cán bộ Đảng. Trước hết là nền tảng chính thống lãnh đạo của Đảng.

Từ Biện Minh Lịch Sử: Cho đến nay, ĐCSVN đặt cơ sở chính thống lãnh đạo và cầm quyền hoàn toàn trên phương diện lịch sử và thực chất quyền lực. Cơ sở chính thống lịch sử và quyền lực thực tế đã đến lúc bị thử thách. Điều này bất cứ ai cũng thành thật nhận thấy. Vì thế, lý luận để biện minh cho độc quyền chính trị của Đảng hiện nay được đặt trên viễn tượng tiêu cực và phủ định. Ám ảnh nội chiến, bất an, mối nguy chia rẽ và bất lực, là những lý do tiêu cực. ĐCSVN không thể biện minh chính thống chính trị trên những phạm trù dự phóng phủ định. Một biện minh độc quyền khác là tính hiệu năng của Đảng. Đây là một biện minh tích cực. Tuy nhiên, vấn đề của biện minh hiệu năng là nó không có cơ sở khách quan, mang tính định chế và chinh phục lòng dân. Vậy thì chúng ta hãy thử đề nghị một cơ sở biện minh mới cho vai trò độc quyền của ĐCSVN.

Đến Biện Minh Thời Đại: Hãy bắt đầu bằng tiền đề chính trị căn bản: Hãy dân chủ hóa Đảng. Hãy nhìn thẳng vào vấn đề và thử phân tích dự án này. Làm thế nào để dân chủ hóa ĐCSVN? Chúng tôi đề nghị rằng nhân dân Việt Nam sẽ trực tiếp bầu cử và chọn lựa cán bộ Đảng. Tức là, bầu cử kín, phổ thông và trực tiếp trên nguyên tắc rộng mở và dân chủ sẽ quyết định thành phần cán bộ đảng Cộng Sản. Đơn vị bầu cử là làng ở nông thôn

và phường ở thành phố. Tiêu chuẩn ứng cử đảng viên sẽ hoàn toàn là khách quan và không dựa theo tiêu chuẩn và lý lịch chính trị. Lý do chính là cử tri trong làng và phường sẽ biết đến tư cách và khả năng của các ứng cử viên để bầu cử. Nhân số đảng viên sẽ là cố định và giới hạn và chỉ được bầu cử cho một nhiệm kỳ và giới hạn ở một nhiệm kỳ mà thôi. Điều này cũng để kiểm soát và bảo đảm thêm lãnh vực chất lượng của đảng viên. Nghĩa rằng Đảng sẽ là một định chế dân chủ có nhiệm kỳ và mỗi đảng viên chỉ là đảng viên cho một nhiệm kỳ duy nhất.

Một Cơ Chế Quốc Hội Lập Pháp Mới: Sau khi đã được bầu cử, Đảng Cộng Sản đóng vai trò và chức năng của một Đại hội đồng lãnh đạo quốc gia (ĐHĐLĐQG). Đại hội đồng lãnh đạo này sẽ (1) chọn lựa và quyết định diễn đàn chính trị, kinh tế và xã hội cho nhiệm kỳ liên hệ, và (2) bầu cử từ trong nội bộ đảng một cơ cấu thường trực trung ương đóng vai trò Quốc Hội Lập Pháp cho quốc gia. Tức là Đảng Cộng Sản sẽ chính thức cả về danh lẫn nghĩa là phân nhánh lập pháp bao gồm cả định chế và chức năng quốc hội. Quốc hội luật pháp quốc gia là ủy ban trung ương Đảng. Ủy ban thường trực quốc hội là bộ chính trị Đảng. Đại biểu quốc hội là ủy viên trung ương Đảng. Nhiệm kỳ của ĐHĐLĐQG là nhiệm kỳ của quốc hội. Trên mô thức này, tổng bí thư Đảng là chủ tịch quốc hội và là chủ tịch nước .

Với mô thức định chế này, ĐCSVN và Quốc Hội Lập Pháp vừa có biện minh và chính thống chính trị dân chủ vừa có khả năng và đạo đức tổ chức cho vai trò lãnh đạo quốc gia và giám sát hành pháp, tư pháp.

III. Quy Chế Nhân Sự Công Quyền: Trên phương diện cán bộ và nhân sự thì cần xác định nguyên tắc cơ bản: Nhân sự công quyền phải được độc lập với nhân sự chính trị. Cán bộ ĐCSVN phải là khác và tách biệt với nhân viên công quyền. Sự phân định cơ bản này phải được đặt trên một hệ thống quy chế theo điều kiện đã được pháp chế hóa. Tiêu chuẩn phẩm chất cần thiết cho nhân viên công quyền phải là khách quan và vượt qua yếu tố lý lịch và quan điểm chính trị để nhắm đến trình độ giáo dục và khả năng chuyên môn và đạo đức cá nhân. Muốn như thế, cần phải thiết lập một định chế lao động và nhân dụng đối với cán bộ công quyền có tư thế và chức năng độc lập và khách quan nhằm bảo đảm tính hiệu năng nhân dụng và quản trị cũng như công bằng trên các lãnh vực thu nhập, thăng tiến nghề nghiệp hay là sa thải. Việt Nam có thể phỏng theo và tuyển lọc được những ưu khuyết điểm của các mô hình *civil service* về các quy chế tuyển mộ, trưng dụng và quản trị lao động của các nước Âu Mỹ.

C. ĐỊNH CHẾ CÔNG LÝ VÀ TƯ PHÁP

I. VỀ CƠ CẤU: Việt Nam chúng ta cũng đang đứng trước những chọn lựa cơ chế và định chế tư pháp khi đang bước vào ngưỡng cửa thời đại mới. Mô hình tư pháp hiện nay, vốn lấy từ mô thức Sơ Việt cũ, cần phải được thay thế và cải tổ sâu rộng và toàn diện.

1. Thứ nhất, trên phương diện cơ chế, phân nhánh tư pháp (judiciary) có hệ thống tòa án là cấu trúc cơ bản. Định chế tư pháp mới phải minh định nguyên tắc bổ nhiệm mà trong đó các chánh án của tòa án quốc gia tối cao (nay là Tòa án Nhân Dân Tối Cao) và các tòa kháng án vùng sẽ được đề cử bởi hành pháp và thông qua bởi quốc hội. Chánh án các tòa án tỉnh và huyện thì được đề cử bởi chính quyền liên hệ và thông qua bởi hội đồng nhân dân địa phương. Nhiệm kỳ của các chánh án phải được lâu dài và tùy theo tòa án – cũng như là vấn đề lương bổng và quyền lợi phải hợp lý, hợp tình. Trong mô thức này, hệ thống tòa án, các chánh án và cán bộ tòa án là một hệ thống hoàn toàn độc lập nằm dưới sự giám sát (nhưng không có thẩm quyền trực tiếp) của quốc hội lập pháp qua chức năng của ủy ban tư pháp quốc gia. Vấn đề quản trị và nhân sự tòa án sẽ do một ủy ban điều hành được bổ nhiệm bởi một hội đồng chánh án thuộc tòa án quốc gia tối cao. Mô thức này nhằm bảo đảm được chức năng và thẩm quyền hoàn toàn độc lập của tòa án đối với uy quyền và áp lực chính trị, quyền lợi từ phía Đảng hay là nhà nước.

2. Thứ hai, Bộ Tư Pháp sẽ được mang tên là Bộ Công Lý và sẽ bao gồm luôn chức năng truy tố của viện Kiểm Sát Nhân Dân. Như thế, vai trò chính của bộ Công Lý là duy trì và phát huy công lý quốc gia qua hai chức năng căn bản: (1) truy tố, trừng phạt, cải huấn, phòng ngừa tội phạm, và (2) duy trì, phát huy chế độ pháp trị. Bộ Công Lý thuộc về phân nhánh hành pháp với chức năng và thẩm quyền hoàn toàn độc lập với Đảng, Quốc Hội, và Tư Pháp với hệ thống tòa án.

II. MỘT BẢN SẮC CÔNG LÝ MỚI: Song song với dự án cải cách sâu rộng và căn bản cấu trúc và định chế chính trị, công quyền và tư pháp, một nội dung công lý mới cũng cần phải phát huy. Nền tảng công lý này bao gồm hai phương diện: công lý định chế và công lý bản chất.

1. Công lý định chế: Muốn thực hiện được một nền công lý bình đẳng thì nền tảng định chế phải có khả năng thực thi bình đẳng. Nguyên tắc đầu tiên là mọi công dân phải được đối xử như nhau trước pháp luật. Đây không phải chỉ là một khẩu hiệu lý tưởng mà là một chỉ tiêu pháp chế cần phải được thực thi. Vấn đề hiện nay ở Việt Nam là bình đẳng trước pháp luật vẫn chưa được thực hiện đến một mức độ vừa phải – nhất là sự bất bình đẳng giữa cán bộ nhà nước, đảng viên đối với công dân, giữa người giàu có, thế lực đối với thường dân không có ảnh hưởng kinh tế. Bất cứ xã hội nào, chế độ nào cũng phải chấp nhận một mức độ bất công nào đó. Vấn đề là sự chuyển hướng và nỗ lực định chế của chính trị và công quyền liên hệ có phát huy được khả thể công lý bình đẳng trên phương diện cơ chế để mức độ nào.

Vì thế, cải tổ định chế công lý phải nhắm vào thực trạng lạm dụng quyền lực chính trị và công quyền hiện nay ở Việt Nam đối với tầng lớp đảng viên và cán bộ nhà nước. Muốn thế, những điều kiện sau đây cần phải được thực thi:

- a. Chức năng điều tra và truy tố tội phạm phải được chuyên môn hóa, trong sạch hóa, và phải được độc lập ra khỏi thẩm quyền chính trị và hành chính cũng như các ảnh hưởng quyền lực và thẩm quyền khác.
- b. Chức năng và thẩm quyền của tòa án và thủ tục tố tụng, thi hành án, kháng án phải được hoàn toàn độc lập và vô tư trên cơ sở pháp lý. Chánh án phải được bổ nhiệm theo quy chế, thủ tục, phẩm chất, nhiệm kỳ và lương bổng thích hợp và xứng đáng nhằm ngăn chặn nạn thối nát thẩm quyền. Chánh án phải đóng đúng vai trò và chức năng xử án vô tư hoàn toàn theo tiêu chuẩn pháp lý trên cơ sở thủ tục và luật pháp áp dụng. Một quy chế chánh án và tòa xử lưu động, ví dụ, có thể được thực thi nhằm tránh các vấn đề tiêu cực.
- c. Xây dựng một cơ chế luật sư đoàn dân sự độc lập và hiệu năng, từ con số đến quy chế – nhất là trên lãnh vực hình luật – để phát huy chức năng và đạo đức chuyên môn cũng như là có khả năng pháp lý trên phương diện định chế nhằm cân bằng thẩm quyền truy tố và điều tra bằng chứng của công quyền. Luật sư đoàn và luật sư biện hộ phải là độc lập và đứng ngang hàng trong tư cách pháp lý trước pháp luật – chứ không phải là công cụ và là hỗ trợ viên làm cảnh cho tòa án, công tố và công an.
- d. Mở rộng quy chế công ty và văn phòng luật sư tư nhân để đáp ứng với nhu cầu pháp chế mới. Gia tăng nhân số luật sư với một quy chế chuyên môn thích hợp với nhu cầu pháp lý đang gia tăng. Mở một chiến dịch đào tạo chuyên môn, đạo đức tương ứng cho tập thể luật sư.
- e. Các đơn vị công quyền và đảng viên, cán bộ nhà nước là những đơn vị pháp nhân chịu trách nhiệm trong tư cách là những đối tượng pháp luật cho công dân có quyền thưa kiện đối với những sai lầm từ chính sách đến lạm dụng thẩm quyền của nhân sự.
- f. Cá nhân các bị cáo được quyền đại diện bởi luật sư độc lập, được giả định vô tội cho đến khi có bản án, có quyền được giữ im lặng không tự khai trước tòa, được đối xử nghiêm chỉnh và tôn trọng nhân phẩm (ví dụ, không bị buộc phải mặc áo tù nhân và đứng trước vòng móng ngựa), có quyền thay đổi chánh án và tòa án nếu có yếu tố có thể ảnh hưởng đến vai trò vô tư của tòa, có quyền thế chân tại ngoại, có quyền cưỡng bách nhân chứng và bằng chứng, có quyền được xử án công khai trong một thời hạn cố định, có quyền kháng án rõ ràng và độc lập.
- g. Hình sự hóa những hành vi can thiệp vào tiến trình thi hành luật pháp (ngăn cản công lý) - nhất là áp dụng vào các đối tượng đảng viên và nhân viên nhà nước.
- h. Thiết lập những quy chế hiệu năng, công bình cho những thủ tục tranh tụng dân sự, nhất là trên lãnh vực kinh tế và bất động sản. Từ vai trò và chức năng của luật sư, thủ tục toàn án, quy chế bằng chứng, nhân chứng, cho đến nội dung luật pháp thành văn đều phải được minh bạch, rõ ràng, khách quan và dễ hiểu để cho đa số thành phần công dân đều có thể tham dự vào tiến trình công lý pháp chế quốc gia, từ địa phương đến trung ương.

i. Xây dựng những định chế và cơ cấu hiệu năng và rõ ràng nhằm thi hành án lệnh và phán quyết của tòa – cả về hình sự lẫn dân sự - trong tiến trình pháp lý cũng như khi đã đến chung cuộc.

k. Công nhận, minh định và phát huy một định chế truyền thông, độc lập, trong sạch, chuyên môn, đáng tin cậy, rộng mở và đa dạng nhằm tôn trọng và cai chế hợp lý quyền tư tưởng, báo chí, ngôn luận như là một nền tảng pháp quyền căn bản, một định chế cần thiết để giám thị, để quân bình hóa, trong sạch hóa công quyền và xã hội.

l. Cải tổ sâu rộng hệ thống, cơ cấu, định chế, thủ tục, nhân sự hệ thống hành chánh công quyền, từ trung ương đến địa phương, trên cơ bản pháp luật khách quan, chuyên môn và phi chính trị. Phải phát huy một văn minh hành chánh công quyền mới nhằm gia năng hiệu năng và giảm thiểu thối nát, tiêu cực.

m. Cải tổ hệ thống giáo dục luật khoa để nâng trình độ lý thuyết cũng như chuyên môn của cán bộ và nhân viên pháp chế từ luật sư đến chánh án, từ luật gia đến nhân sự pháp chế. Thành lập những viện nghiên cứu luật khoa và pháp chế nhằm theo đuổi những dự án, công trình nghiên cứu, phân tích về các lãnh vực tư tưởng, ngôn ngữ, định chế và chính sách pháp luật.

2. Công Lý Nội Dung: Một nội dung công lý mang bản chất công bằng và hợp lý cũng phải được xây dựng và thực thi. Đây là vấn đề vượt qua khỏi chế độ chính trị và thể thức định chế. Khởi đi từ nguyên tắc pháp luật trên hết, hãy xây dựng một bản chất công lý mới nhằm phát huy một phong hóa trọng pháp, một văn minh chính trị và công quyền nhân phẩm, phát huy tính liêm sĩ và tự trọng cho định chế, cơ cấu, cho con người, không phải chỉ ở ngôn từ và khẩu hiệu vô nghĩa mà là trên cơ bản thực chất, hành động và kết quả.

a. Công lý nhân bản thay vì công lý tổ chức; thời đại thay vì lịch sử: Đã đến lúc mỗi công dân Việt Nam phải có quyền hưởng trọn nguyên tắc công lý vượt qua khỏi món nợ bù trừ lịch sử. Ví dụ, chế độ lý lịch chính trị công dân phải được thay thế bởi một chế độ lý lịch cá nhân (ví dụ: lịch sử tín dụng, kinh tế, giáo dục và khả năng, kinh nghiệm chuyên môn). Mọi phân biệt đối xử trên cơ sở lý lịch chính trị, liên hệ, tôn giáo đều phải được loại trừ. Mỗi công dân Việt Nam là một đơn vị pháp lý mang tư cách chủ nhân quốc gia cho hôm nay và tương lai. Những gì được công nhận một cách phổ biến và hoàn vũ là công bằng và hợp lý cho thời đại và nhân loại thì đó chính là chỉ tiêu công lý cho nhân dân Việt Nam. Chúng ta không thể tiếp tục tách rời giá trị thời đại và nhân loại ra khỏi ưu tiên chính trị và pháp chế quốc gia trên biện minh đặc thù của dân tộc.

b. Công lý cá thể và công lý tập thể: Công lý cá thể phải đứng trên thứ tự giá trị cao hơn là nhu cầu tập thể nếu các yếu tố khác được ngang hàng như nhau. Đây là vấn đề của chọn lựa ưu tiên và phân định cán cân công lý tùy theo hoàn cảnh. Những vấn đề công

ích quốc gia, tập thể phải được công khai lượng định để chinh phục nhân dân về sự chọn lựa liên hệ. Một định hướng mới về ưu tiên cá nhân cho chính trị và pháp chế cho quốc gia phải được phát huy. Nhìn lại lịch sử dân tộc thì trên cương vị cá thể, con người Việt Nam đã hy sinh chính bản thân của mình quá nhiều cho quốc gia, cho giá trị tập thể. Đã đến lúc mà cán cân giá trị giữa cá nhân và tập thể trên phương diện pháp chế phải được tái phối trí ở một mức độ thích ứng và hợp thời. Lịch sử pháp chế của các nước tiên tiến đều nhắm đến một sự quân bình hợp lý và cần thiết giữa thẩm quyền tập thể và quyền hạn cá thể. Việt Nam chúng ta chưa hề có một khái niệm về tính quân bình này và thực tế xã hội và quyền lực chỉ cho thấy một điều là cá nhân con người Việt Nam vẫn chỉ là những con chốt vô nghĩa trên bàn cờ tập thể.

c. Công lý pháp chế thay vì công lý chính trị: Khi mà lịch sử dân tộc đã tiêu thụ hết cái nhiệt tình chính trị trừu tượng cho giá trị tập thể; khi mà với biết bao máu xương và khổ đau đã phải hứng chịu bởi con người Việt Nam thì đã đến lúc luật pháp phải bước vào để làm nguội lắng năng lực lý tưởng quốc gia trên cơ sở nhân bản, phổ biến, khách quan và lý tính. Đây là yếu tính của công lý pháp chế thay vì công lý chính trị. Từ căn bản này, một cá thể pháp lý tượng trưng cho nền pháp chế mới là một công dân có ý thức trong bối cảnh và tiêu chuẩn đạo đức và xã hội thời đại trên hai vế trách nhiệm và quyền hạn. Mệnh lệnh đạo đức chính trị phải nhường bước cho mệnh lệnh luật pháp: cá thể phải hành động hay không, bị trừng phạt hay không là tùy vào giá trị thời đại đã được chọn lựa và định chế hóa thành văn và khách quan qua thẩm quyền pháp chế chứ không là vì nhu cầu chính trị. Chủ đích pháp chế là một nền công lý hiệu năng và khách quan thay vì công lý dự phóng và lý tưởng.

d. Công lý kinh tế và công bằng xã hội: Pháp chế hóa công quyền và xã hội là khai thông hóa những con lộ cơ hội kinh tế và xã hội cho đại đa số quốc dân. Luật pháp không phải chỉ dành riêng cho một thiểu số quần chúng có quyền lực, có giáo dục, ở thành thị mà phải là bao gồm và nhắm đến đại đa số quần chúng, nhất là ở nông thôn và giới nghèo khổ, lao động, dân trí thấp. Đây là cái tiến trình mở rộng cái cổ chai (*De Soto's bell-jar*) nhằm chuyển hóa một văn hóa xã hội và kinh tế ngoài vòng pháp luật (*extra-legals*) trở nên một xã hội thông thoáng, rõ ràng và mở lối cơ hội và quyền hạn bao gồm. Trên định hướng phổ biến và đồng đều cơ hội này, một số cải tổ cần phải thực thi. Về phương diện bất động sản, xây dựng một định chế sở hữu chủ minh bạch, khách quan, hiệu năng, tôn trọng quyền tư hữu sẽ tạo nên một năng động kinh tế mới mà trong đó cái số vốn bị nằm yên (*dead capital*) sẽ được tác động và giao thương, đưa vốn kinh tế quốc gia lên một tầm mức cao hơn. Và hơn thế nữa, việc cần làm khẩn cấp là cải tổ chế độ thuế khóa - nhất là trên lãnh vực thuế lợi tức và thuế bất động sản - thích hợp và hiệu năng. Về lãnh vực thuế nhà đất, Việt Nam đang ở trong giai đoạn khủng hoảng, lẫn về cơ bản khái niệm lẫn chính sách và định chế, quy tắc. Thuế bất động sản ở các thành phố lớn ở Việt Nam sẽ đem đến những nguồn tài chánh dồi dào cho quốc gia, tạo năng động tái phối trí tài nguyên và giàu có, cũng như là cơ chế công bình hóa cán cân kinh tế xã hội.

Khi hướng về những vấn đề của đất nước và con người Việt Nam, với nhiều lo lắng trộn lẫn với ít nhiều hy vọng, chúng tôi thiết nghĩ rằng con người và cơ chế Việt Nam có xứng đáng với nhu cầu của thời đại và khả thể tối ưu của dân tộc hay không là tùy vào ý thức, trách nhiệm, lòng can đảm và ý chí tác hành của đại khối con dân Việt, dù ở trên cương vị nào. Định chế và cơ cấu quốc gia chỉ có thể hiệu năng đến mức độ nhân phẩm và kỷ luật đạo đức của con người và nhân sự liên hệ cho phép. Khi cá nhân chưa xứng đáng với lý tưởng quốc gia thì tất cả mọi dự án, công trình cũng chỉ là hình thức ngoại thể vô nghĩa.

Hồi đầu năm nay, một nhà báo ở thành phố Hồ Chí Minh đã nói với tôi, đại ý rằng, có thể là dân trí và điều kiện xã hội đất nước hiện nay chưa xứng đáng hay là chưa sẵn sàng để có một chế độ chính trị khác; tuy nhiên, điều chắc chắn là vậy, nếu không có một công cuộc cải tổ sâu rộng nhằm đưa Việt Nam đến một quốc gia pháp trị thì bất cứ dưới chế độ hay hệ thống chính trị công quyền nào đi nữa, dân tộc chúng ta cũng sẽ không thể thăng tiến được./.